

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

MÃ NGÀNH: 7210403

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~367~~/QĐ-NTT ngày ~~26~~ tháng ~~6~~ năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

1. Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: Thiết kế đồ họa
- Tên tiếng Anh: Graphic Design

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Loại hình đào tạo: Chính quy

4. Khoá học áp dụng: 2020

5. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

6. Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Thiết kế đồ họa

7. Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại Học Nguyễn Tất Thành

8. Đơn vị đào tạo

- + Khoa: Kiến Trúc – Xây Dựng – Mỹ Thuật Ứng Dụng
- + Địa chỉ văn phòng: 331 Quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, quận 12, TPHCM
- + Điện thoại liên lạc: 028-62-5656-90/91/92/93 – số máy lẻ: 222

9. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông

Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển

Phương thức 1: Xét kết quả Kỳ thi THPT là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ĐH tối thiểu

theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với những thí sinh thi tuyển kỳ thi THPT năm 2020.

Phương thức 2: Xét điểm trung bình chung của các môn học trong năm học lớp 12 thuộc tổ hợp môn xét tuyển. Ngưỡng điểm tối thiểu xét từ 6.0 trở lên cho các ngành bậc Đại học

Các tổ hợp môn xét tuyển:

H00: Toán – Vẽ tĩnh vật chì – Vẽ trang trí màu

H01: Ngữ văn – Vẽ tĩnh vật chì – Vẽ trang trí màu

V01: Toán – Ngữ văn – Vẽ tĩnh vật chì

V02: Toán – Tiếng Anh – Vẽ tĩnh vật chì

Đối với môn năng khiếu, lấy kết quả thi của các trường khác hoặc kết quả do trường ĐH Nguyễn Tất Thành tổ chức thi.

10. Thông tin về các chứng nhận kiểm định

+ Đạt chuẩn 4 sao của tổ chức QS (Anh Quốc) năm 2019

+ Đạt kiểm định cấp cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ giáo dục & Đào tạo ngày 3/5/2017 do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU – HCM CEA) cấp.

11. Các năng lực của sinh viên tốt nghiệp

- GA1: Khả năng vẽ thiết kế trang trí mỹ thuật.
- GA2: Khả năng ứng dụng khoa học công nghệ và kỹ thuật số vào ngành thiết kế đồ họa.
- GA3: Năng lực nghiên cứu, khảo sát thị trường sản phẩm đồ họa ứng dụng.
- GA4: Khả năng lý luận chuyên ngành thiết kế đồ họa.
- GA5: Khả năng thiết kế trang trí mỹ thuật ứng dụng, thiết kế minh họa, thiết kế xây dựng thương hiệu, thiết kế sản phẩm, thiết kế in ấn, thiết kế quảng cáo.
- GA6: Khả năng quản lý, giám sát dự án thiết kế đồ họa, dự án truyền thông quảng cáo.

12. Mục tiêu đào tạo

- PEO1:** Người thiết kế có hiểu biết cơ bản và bao quát về thể chế chính trị – xã hội và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, có sức khỏe tốt, có nhận thức đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với an ninh quốc phòng và sẵn sàng bảo vệ tổ quốc.
- PEO2:** Người thiết kế có kiến thức về khoa học cơ bản, có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành TKĐH, và hiểu biết rõ ràng về mối liên hệ hỗ trợ giữa các khối kiến thức này.
- PEO3:** Người thiết kế biết sử dụng máy tính, các công cụ kỹ thuật số, mạng internet và ngoại ngữ vào công việc; có kỹ năng giao tiếp

hiệu quả; có kỹ năng nghiên cứu, khảo sát thị trường sản phẩm đồ họa ứng dụng.

PEO4: Người thiết kế có năng lực thiết kế đồ họa xây dựng thương hiệu, sản phẩm; thiết kế quảng cáo; thiết kế in ấn; có năng lực quản lý, giám sát dự án thiết kế đồ họa, dự án truyền thông quảng cáo; có khả năng làm việc trong các nhóm đa ngành.

PEO5: Người thiết kế có khả năng học tập, nâng cao trình độ, theo đuổi việc học suốt đời để làm việc hiệu quả trong bối cảnh công nghệ mới liên tục xuất hiện và thay đổi.

13. Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành Thiết kế đồ họa có:

Kiến thức

ELO1 (K1)	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề.
ELO2 (K2)	Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin và kỹ thuật số trong học tập và ứng dụng thực tế ngành TKĐH.
ELO3 (K3)	Vận dụng được kiến thức chuyên ngành TKĐH trong nghiên cứu, khảo sát thị trường và trong công tác nghiên cứu, kiểm tra chất lượng mẫu mã, thành phẩm trong quy trình in ấn sản xuất.
ELO4 (K4)	Vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành TKĐH tư duy ý tưởng sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn; trong tư vấn, giám sát dự án thiết kế xây dựng thương hiệu, quảng cáo sản phẩm.
ELO5 (K5)	Thiết kế trang trí mỹ thuật ứng dụng; thiết kế minh họa; thiết kế xây dựng thương hiệu; thiết kế sản phẩm; thiết kế in ấn; thiết kế quảng cáo.

Kỹ năng

ELO6 (S1)	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.
ELO7 (S2)	Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau.
ELO8 (S3)	Vẽ mỹ thuật và vẽ kỹ thuật số bản thiết kế đồ họa ứng dụng đúng tiêu chuẩn chất lượng, đưa ra giải pháp, lựa chọn tối ưu trong thiết

	kế đồ họa in ấn, sản xuất thành phẩm.
ELO9 (S4)	Thiết kế sáng tạo có tính thẩm mỹ ứng dụng phù hợp nhu cầu thiết kế thực tế và tổ chức thi công thiết kế đồ họa ứng dụng.

Thái độ

ELO10 (A1)	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.
ELO11 (A2)	Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.
ELO12 (A3)	Đam mê nghề nghiệp, tôn trọng và hỗ trợ đồng nghiệp. Tinh thần phát triển chuyên ngành và nghiên cứu khoa học.

14. Mối liên hệ giữa Năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes -GAs) với Mục tiêu (Programme Educational Objectives – PEOs) và Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes – ELOs)

14.1. Mối liên hệ giữa năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp với mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Năng lực cần đạt của SVTN (GAs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)					Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)											
	PEO1	PEO2	PEO3	PEO4	PEO5	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
GA1	✓	✓		✓		✓	✓		✓	✓			✓	✓			✓
GA2	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
GA3	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
GA4	✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓
GA5	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
GA6	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

14.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PEOs)	Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
PEO1	✓			✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓
PEO2	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓		✓	✓
PEO3	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓
PEO4	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PEO5	✓	✓				✓	✓			✓	✓	✓

14.3. Mối liên hệ của các học phân/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/HỌC PHẦN/MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
GA1: Khả năng vẽ thiết kế trang trí mỹ thuật.	Nhập môn thiết kế đồ họa (2 tín chỉ)	16	44	29.3%
	Hình họa 1 (3 tín chỉ)			
	Hình họa 2 (3 tín chỉ)			
	Hình họa 3 (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình mỹ thuật (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình đồ họa 1 (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình đồ họa 2 (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật Hội họa (2 tín chỉ)			
	Mỹ Thuật học (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản) (2 tín chỉ)			
	Nhiếp ảnh (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 1 (AI) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 4 (Digital painting) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 5 (Indesign) (3 tín chỉ)			
GA2: Khả năng ứng dụng khoa học công nghệ và kỹ thuật số vào ngành thiết kế đồ họa.	Tin học chuyên ngành 1 (AI) (3 tín chỉ)	9	25	16.7%
	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 4 (Digital painting) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 5 (In Design) (3 tín chỉ)			
	Thiết kế giao diện Web (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật in chuyên ngành (2 tín chỉ)			
	Nhiếp ảnh (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật đồ họa (2 tín chỉ)			

GA3: Năng lực nghiên cứu, khảo sát thị trường sản phẩm đồ họa ứng dụng.	Marketing và thương hiệu (2 tín chỉ)	12	32	21.3%
	Thiết kế thương hiệu – Brand (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm (3 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 tín chỉ)			
	Ý tưởng thiết kế (3 tín chỉ)			
	Nguyên lý thiết kế Đồ Họa (3 tín chỉ)			
	Nghệ thuật minh họa (3 tín chỉ)			
	Thiết kế Logo (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP) (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng (3 tín chỉ)			
	Mỹ Thuật học (2 tín chỉ)			
GA4: Khả năng lý luận chuyên ngành thiết kế đồ họa.	Mỹ Thuật học (2 tín chỉ)	16	40	26.7%
	Ý tưởng thiết kế (3 tín chỉ)			
	Nguyên lý thiết kế Đồ Họa (3 tín chỉ)			
	Nghệ thuật minh họa (3 tín chỉ)			
	Thiết kế Logo (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP) (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng (3 tín chỉ)			
	Marketing và thương hiệu (2 tín chỉ)			
	Thiết kế thương hiệu – Brand (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm (3 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế Poster 1 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế Poster 2 (2 tín chỉ)			
GA5: Khả năng thiết kế trang trí mỹ thuật ứng	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản) (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao) (2 tín chỉ)			
	Hình họa 1 (3 tín chỉ)			
	Hình họa 2 (3 tín chỉ)			
	Hình họa 3 (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình mỹ thuật (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình đồ họa 1 (3 tín chỉ)			
	Cơ sở tạo hình đồ họa 2 (3 tín chỉ)			

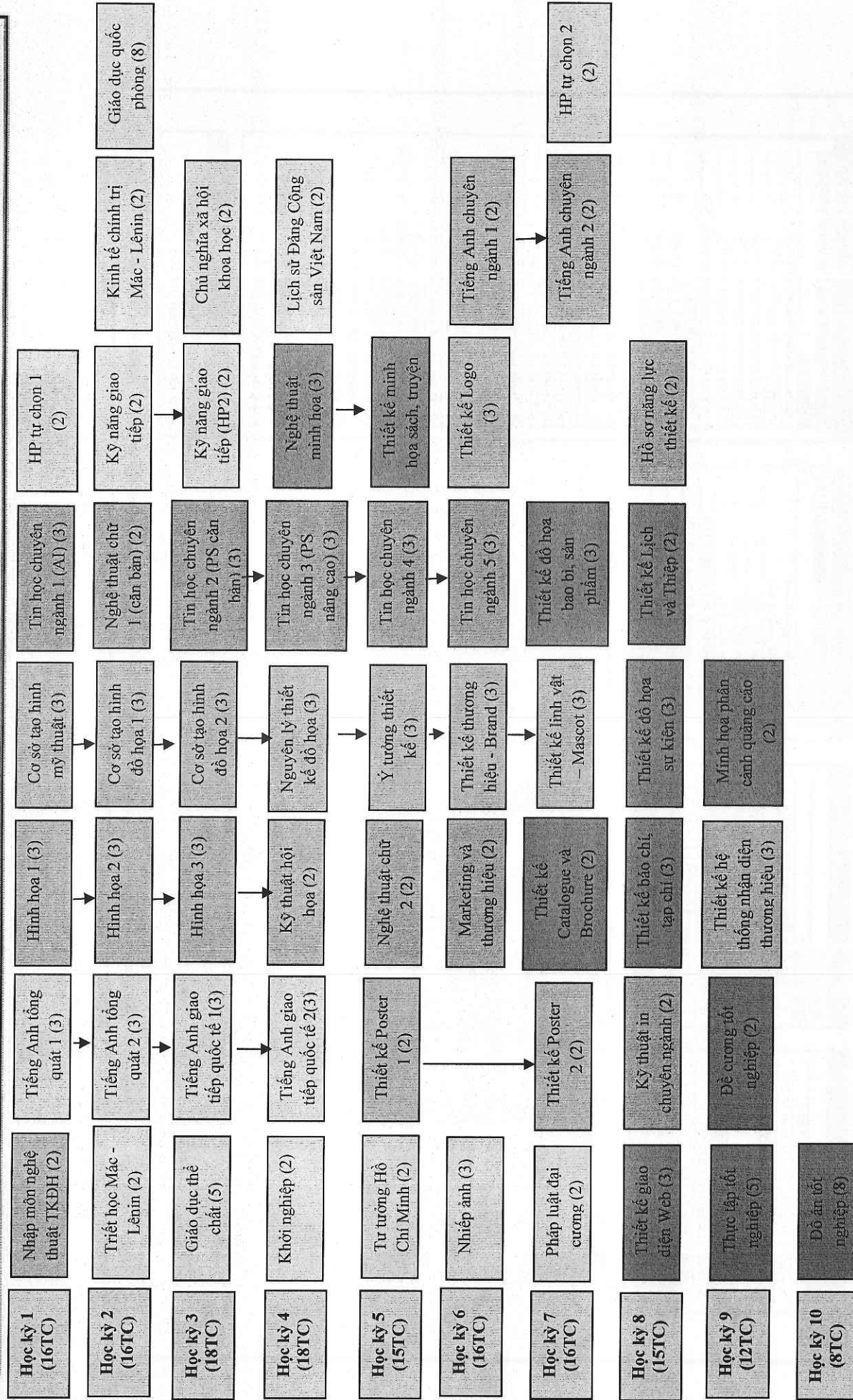
dụng, thiết kế minh họa, thiết kế xây dựng thương hiệu, thiết kế sản phẩm, thiết kế in ấn, thiết kế quảng cáo.	Kỹ thuật Hội họa (2 tín chỉ)	39	99	66%
	Mỹ Thuật học (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật chữ 1 (căn bản) (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao) (2 tín chỉ)			
	Nghệ thuật minh họa (3 tín chỉ)			
	Ý tưởng thiết kế (3 tín chỉ)			
	Marketing và thương hiệu (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế và minh họa sách (3 tín chỉ)			
	Thiết kế Poster 1 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế Poster 2 (2 tín chỉ)			
	Thiết kế linh vật – Mascot (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa Báo và tạp chí (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng (3 tín chỉ)			
	Thiết kế Lịch và Thiệp (2 tín chỉ)			
	Thiết kế Logo (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP) (3 tín chỉ)			
	Hồ sơ năng lực thiết kế (2 tín chỉ)			
	Thiết kế thương hiệu – Brand (3 tín chỉ)			
	Minh họa phân cảnh quảng cáo (2 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm (3 tín chỉ)			
	Thiết kế Catalogue và Brochure (2 tín chỉ)			
	Thiết kế tranh cổ động và tuyên truyền (2 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 1 (AI) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 4 (Digital painting) (3 tín chỉ)			
	Tin học chuyên ngành 5 (In Design) (3 tín chỉ)			
	Thiết kế giao diện Web (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật in chuyên ngành (2 tín chỉ)			

	Nhiếp ảnh (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật đồ họa (2 tín chỉ)			
GA6: Khả năng quản lý, giám sát dự án thiết kế đồ họa, dự án truyền thông quảng cáo.	Hồ sơ năng lực thiết kế (2 tín chỉ)	14	42	28%
	Ý tưởng thiết kế (3 tín chỉ)			
	Marketing và thương hiệu (2 tín chỉ)			
	Thiết kế thương hiệu – Brand (3 tín chỉ)			
	Kỹ thuật đồ họa (2 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng (3 tín chỉ)			
	Mỹ Thuật học (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 tín chỉ)			
	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 tín chỉ)			
	Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm (3 tín chỉ)			
	Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP) (3 tín chỉ)			
	Đề cương tốt nghiệp (2 tín chỉ)			
	Đồ án tốt nghiệp (8 tín chỉ)			

15. Cấu trúc chương trình đào tạo

CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA - 3,5 NĂM (150 TC)

KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (17 TC)	CÁC MÔN BỔ TRỢ (16 TC)	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (29 TC)	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (75 TC)
Bắt buộc: 1. Triết học Mác - Lênin (3 TC) 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 TC) 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 TC) 4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 TC) 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC) 6. Pháp luật đại cương (2 TC) 7. Khởi nghiệp (2 TC) Tự chọn: 10. Mỹ Thuật học (2 TC) 11. Logic học (2 TC) 12. Tư duy sáng tạo (2 TC) 13. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 TC) 14. Lịch sử văn minh thế giới (2 TC)	Bắt buộc: Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh tổng quát 1 (3 TC) 2. Tiếng Anh tổng quát 2 (3 TC) 3. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 (3 TC) 4. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 (3 TC). Kỹ năng: 1. Kỹ năng giao tiếp 1 (2 TC) 2. Kỹ năng giao tiếp HP2 (2 TC) CÁC MÔN HỌC ĐIỀU KIỆN (13 TC) 1. Giáo dục thể chất (5 TC) 2. Giáo dục Quốc phòng An ninh (8 TC).	Bắt buộc: 1. Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa (2 TC) 2. Hình họa 1 (3 TC) 3. Hình họa 2 (3 TC) 4. Hình họa 3 (3 TC) 5. Cơ sở tạo hình mỹ thuật (3 TC) 6. Cơ sở tạo hình đồ họa 1 (3 TC) 7. Cơ sở tạo hình đồ họa 2 (3 TC) 8. Nguyên lý thiết kế Đồ Họa (3 TC) 9. Kỹ thuật Hội họa (2 TC) 10. Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 TC) 11. Tiếng Anh chuyên ngành 2 (2 TC)	Bắt buộc: 1. Tin học chuyên ngành 1 (3 TC) 2. Tin học chuyên ngành 2 (3 TC) 3. Tin học chuyên ngành 3 (3 TC) 4. Tin học chuyên ngành 4 (3 TC) 5. Tin học chuyên ngành 5 (3 TC) 6. Kỹ thuật in chuyên ngành (2 TC) 7. Nhiếp ảnh (3 TC) 8. Nghệ thuật chữ 1 (căn bản) (2 TC) 9. Nghệ thuật chữ 2 (nâng cao) (2 TC) 10. Ý tưởng thiết kế (3 TC) 11. Nghệ thuật minh họa (3 TC) 12. Thiết kế và minh họa sách (3 TC) 13. Thiết kế Lịch và Thiệp (2 TC) 14. Marketing và thương hiệu (2 TC) 15. Thiết kế linh vật - Mascot (3 TC) 16. Thiết kế Logo (3 TC) 17. Thiết kế Poster 1 (3 TC) 18. Thiết kế Poster 2 (3 TC) 19. Thiết kế Catalogue và Brochure (2 TC) 20. Thiết kế đồ họa truyền thông sự kiện cộng đồng (3 TC) 21. Thiết kế thương hiệu - Brand (3 TC) 22. Thiết kế đồ họa bao bì sản phẩm (3 TC) 23. Thiết kế giao diện Web (3 TC) 24. Minh họa phân cảnh quảng cáo (2 TC) 25. Thiết kế đồ họa Báo và tạp chí (3 TC) 26. Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP) (3 TC) 27. Hồ sơ năng lực thiết kế (2 TC) 28. Đề cương tốt nghiệp (2 TC) Tự chọn: 1. Thiết kế tranh cổ động và tuyên truyền (2 TC) 2. Kỹ thuật đồ họa (2 TC)
HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP (13 TC) Thực tập tốt nghiệp (5 TC) Đồ án tốt nghiệp (8 TC)			MÔN CƠ SỞ NGÀNH (29 TC) MÔN CHUYÊN NGÀNH (75 TC)



17. Đối sánh CTĐT của ngành đào tạo

17.1. Đối sánh chuẩn đầu ra/kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Thiết kế Đồ họa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Thiết kế Đồ họa của Trường ĐH Hoa sen TpHCM	KQHTMD Chương trình đào tạo Thiết kế Đồ họa của Trường ĐH Văn lang TpHCM	KQHTMD Chương trình đào tạo Thiết kế Đồ họa của Trường ĐH Raffle (Malaisia)	KQHTMD Chương trình đào tạo Thiết kế Đồ họa của Trường ĐH LCI Melbourne (Australia)	Nhận xét
K	- Hiểu kiến thức mỹ thuật ứng dụng làm nền tảng cho học tập và nghiên cứu chuyên môn. - Hiểu và vận dụng kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành TKĐH vào lĩnh vực thiết kế xây dựng thương hiệu, thiết kế bao bì sản phẩm, thiết kế quảng cáo. - Hiểu và vận dụng kiến thức ngành TKĐH trong nghiên cứu khảo	- Hiểu kiến thức mỹ thuật cơ bản, nắm rõ vị trí, vai trò của ngành TKĐH trong thiết kế sản phẩm và quảng cáo. - Nắm vững các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngành TKĐH - Hiểu và vận dụng thành thạo các thể loại thiết kế đồ họa trong lĩnh vực thiết kế dàn trang, phát triển thương hiệu, quảng cáo. - Ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong	- Kiến thức mỹ thuật các nguyên lý và quy tắc thiết kế tạo hình, các quan hệ về màu sắc. - Kiến thức mỹ học, trình độ nhận thức về thẩm mỹ, văn hóa, nhận thức về thị trường. - Nắm vững kiến thức chuyên môn về Mỹ thuật công nghiệp, kiến thức thực tế về ngành TKĐH. - Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành	- Hiểu kiến thức chuyên ngành và được nâng cao bằng cách vận dụng viết học thuật phù hợp. - Vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào các xu hướng thiết kế - Vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành trong góc nhìn toàn cầu cũng như đặc trưng riêng của Châu Á - Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin và kỹ thuật số	- Hiểu kiến thức chuyên ngành. - Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên ngành trong liên ngành. - Kiến thức đầy đủ về các công cụ kỹ thuật số hàng đầu - Nắm vững quy trình thiết kế đạt được kết quả thiết kế công phu chuyên nghiệp.	NTTU thiên về thực hành, không xa rời xu hướng CDR của nhiều trường có kinh nghiệm m trong

	sát thực tế • Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin và kỹ thuật số trong nghiên cứu, phát triển và truyền tải ý tưởng thiết kế • Vận dụng được phương pháp tư duy sáng tạo trong chuyên môn thiết kế đồ họa ứng dụng và nghiên cứu	việc chuyển tải ý tưởng. • Vận dụng ý tưởng sáng tạo trong chuyên môn thiết kế đồ và nghiên cứu.	TKĐH, áp dụng các nguyên lý, quy tắc thiết kế tạo hình • Khả năng tiếp nhận về khoa học kỹ thuật mới, công nghệ thông tin ứng dụng vào sáng tác thiết kế, đáp ứng vào thực tế cuộc sống.	trong nghiên cứu, phát triển và truyền tải ý tưởng thiết kế • Vận dụng được phương pháp tư duy sáng tạo trong chuyên môn thiết kế đồ họa ứng dụng và nghiên cứu	đào tạo ngành TKĐH
--	--	---	---	--	---------------------------

S	- Vẽ mỹ thuật, trang trí - Vẽ kỹ thuật số minh họa sách, minh họa ứng dụng - Vẽ kỹ thuật số bản thiết kế tiêu chuẩn cho dự án đồ họa ứng dụng. - Sử dụng thành thạo các thiết bị, phần mềm chuyên ngành thiết kế đồ họa và đồ họa kỹ thuật số - Phân tích đưa ra giải pháp, lựa chọn tối ưu trong thiết kế in ấn, sản xuất thành phẩm. - Phân tích đưa ra ý tưởng thiết kế giải quyết các vấn đề TKĐH. - Thiết kế sáng tạo có tính thẩm mỹ ứng dụng phù hợp, kinh tế đáp ứng nhu cầu người	- Kỹ năng nhận thức và sáng tạo để thực hiện tư duy phê phán và phân xét trong việc xác định và giải quyết các vấn đề thiết kế đồ họa - Kỹ năng sử dụng thành thạo các thiết bị, phần mềm hiện đại theo chuyên ngành. - Kỹ năng nhận thức và trình độ kỹ thuật để đánh giá các nguyên tắc thiết kế tôn trọng yếu tố phát triển bền vững và áp dụng các nguyên tắc này vào những kiến thức, lĩnh vực mới	- Kỹ năng tạo hình, biết cách xử lý màu sắc giữa phần bên trong và ngoại quan, giữa các chất liệu. - Kỹ năng vận dụng sáng tạo thành quả của tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin ứng dụng vào lĩnh vực thiết kế sản phẩm phù hợp yêu cầu của mọi người. - Có tư duy sáng tạo thiết kế, phát hiện vấn đề và đề xuất vấn đề về truyền thông. - Thành thạo ngôn ngữ thiết kế hình tượng, ký hiệu, diễn đạt ý đồ thiết kế, hiệu quả về mảng kỹ thuật số.	- Tư tìm tòi kiến thức mới vào những đồ án mang tính chất nhóm hoặc cá nhân. - Kỹ năng sử dụng thành thạo các thiết bị kỹ thuật số, phần mềm hiện đại theo chuyên ngành. - Vẽ kỹ thuật số minh họa sách, minh họa ứng dụng - kỹ năng sáng tạo, phê bình, phản xạ, và kỹ thuật được phát triển trong phòng studio. - Khả năng thích ứng và phát triển trong việc thay đổi môi trường trí tuệ, chuyên nghiệp và kỹ thuật	- Kỹ năng sử dụng thành thạo các thiết bị kỹ thuật số hàng đầu. - Vẽ kỹ thuật số minh họa sách, minh họa ứng dụng - kỹ năng sáng tạo thông qua một chuyên ngành khác từ thiết kế truyền thông hoặc một trong các ngành sáng tạo khác - Thiết kế sáng tạo có tính thẩm mỹ, đạt được kết quả thiết kế công phu - Xây dựng những mối liên hệ ngành công nghiệp thông qua việc làm chuyên nghiệp và những cơ hội trao đổi quốc tế
---	--	---	--	--	---

	- Giám sát, tư vấn thi công thiết kế xây dựng thương hiệu, thiết kế quảng cáo - Có kỹ năng trình bày, thuyết minh các vấn đề chuyên môn - Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong các dự án chuyên ngành và liên ngành.				
A	- Đam mê nghề nghiệp, tôn trọng và hỗ trợ đồng nghiệp. - Có tinh thần phát triển chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. - Nhận thức được sự cần thiết của việc học tập suốt đời - Có ý thức công dân, hiểu biết và	- Phối hợp và cộng tác khi làm việc nhóm với vai trò người lãnh đạo cũng như thành viên của nhóm. - Tự học, tự tìm tòi các xu hướng thẩm mỹ và xu hướng phát triển của công nghệ số. - Rèn luyện, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ	- Yêu nghề, có ý thức phấn đấu - Tự tu dưỡng về mọi mặt để vươn tới trình độ cao trong ngành - Sẵn sàng phục vụ xã hội	- Linh hoạt và nhanh nhạy và quan trọng hơn là sẵn sàng cho ngành công nghiệp - Nhận thức được sự cần thiết của việc học tập suốt đời	- Tinh thần làm chuyên nghiệp và sẵn sàng cho những cơ hội trao đổi quốc tế - Có tinh thần phát triển và nâng cao các kỹ năng sáng tạo thông qua một chuyên ngành khác từ thiết kế truyền thông. - Nhận thức được

	tôn trọng luật pháp	chuyên môn, tiếp tục theo học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và quản lý. Phân tích, so sánh và tôn trọng sự khác biệt, tính đa dạng của các nền văn hóa khác nhau.			sự cần thiết của việc học tập những mối liên hệ liên ngành	
--	---------------------	--	--	--	--	--

17.2. Đối sánh chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Hoa sen TpHCM	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Văn Lang TpHCM	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	150	146	129	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ) - Học phần đại cương	33	30	33	Hệ thống khối kiến thức giáo dục đại cương của 3 trường, gần như tương đồng giữa các môn học, có sự chênh lệch tín chỉ của các môn học với tỉ lệ nhỏ
- Học phần cơ sở ngành	29	21	26	Kiến thức cơ sở ngành tổng quan so sánh giữa 3 trường có sự tương đồng giữa các môn chính. Nhưng có sự khác biệt trong phân chia

- Học phần chuyên ngành				nhỏ của các môn theo mục tiêu và triết lý giáo dục của mỗi trường
	75	84	62	Tổng quan kiến thức chuyên ngành so sánh giữa 3 trường theo 3 hạng mục: 1. Tin học 2. Kỹ thuật 3. Môn chuyên ngành Hầu như đều tương đồng giữa các môn chính. Sự khác biệt lớn nhất của 3 trường chính là cách vận hành thời lượng thực hành đồ án ứng dụng các môn học, theo mục tiêu cụ thể mà mỗi chương trình đào tạo đề ra.
- Học phần tốt nghiệp	13	11	8	Đồ án tốt nghiệp yêu cầu thời lượng tương đương
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)		Không		
Phương pháp giảng dạy/học tập	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp hành qua đồ án hoặc thực tập.	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập.	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập.	

	- Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	
Học phí	Không đối sánh			Theo chính sách học phí của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)	Không			

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Graphic Design ĐH Raffle (Malaysia)	CTĐT của ngành Graphic Design Trường ĐH LCI Melbourne (Australia)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	150			
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				
- Học phần đại cương	33			
- Học phần cơ sở ngành	29			
- Học phần chuyên ngành	75			
- Học phần tốt nghiệp	13			
Các chuyên ngành hẹp	Không			

của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/học tập	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	
Học phí	Không đối sánh			Theo chính sách học phí của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)	Không			

18. Tầm nhìn và sứ mạng

Tầm nhìn và sứ mạng của Trường :

❖ Tầm nhìn

Đến năm 2020, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành sẽ trở thành một trường đại học ứng dụng và thực hành, đa ngành, đa bậc học, gắn với nhu cầu phát triển của địa phương và quốc gia, đạt chuẩn quốc gia, và có uy tín trong nước và khu vực.

❖ Sứ mạng

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cam kết thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường của TP. HCM và Việt Nam thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu nhằm tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước.

Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa:

❖ Tầm nhìn

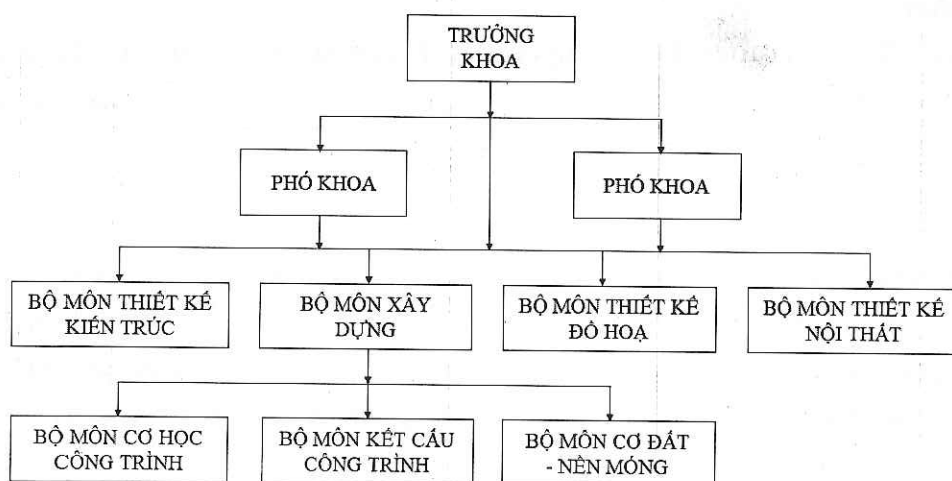
Khoa Kỹ thuật Xây dựng Đại học Nguyễn Tất Thành phải phát triển và trở thành cơ sở đào tạo uy tín, chất lượng của khu vực phía Nam trong các lĩnh vực về Kiến trúc, Xây dựng; cung cấp cho đất nước một đội ngũ Nhà thiết kế nội thất “vừa hồng vừa chuyên”. Đáp ứng được yêu cầu xây dựng phát triển của đất nước và khả năng hội nhập với sự phát triển của quốc tế.

❖ Sứ mạng

Khoa Kiến trúc- Xây dựng và MTCN phát triển định hướng theo chiến lược phát triển của trường Đại học Nguyễn Tất Thành là trở thành trường Đại học thực hành với phương châm đào tạo “Thực học, thực hành, thực danh và thực nghiệp”. Chính vì vậy quá trình đào tạo của khoa phải luôn “học đi đôi với hành” để kết quả khi Tốt nghiệp Đại học Nguyễn Tất Thành các Kiến trúc sư, Nhà thiết kế Nội thất sẽ đạt được yêu cầu của xã hội và có cơ hội việc làm đạt 80%



19. Sơ đồ tổ chức Khoa



20. Thông tin liên hệ:

Khoa Kiến Trúc - Xây Dựng - Mỹ Thuật Ứng Dụng – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

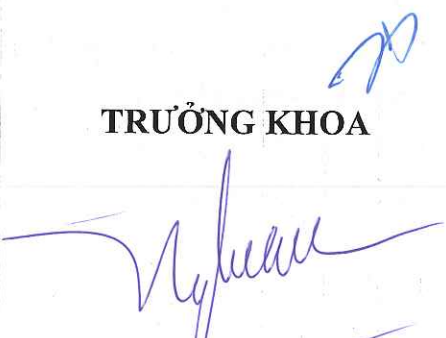
- Địa chỉ: số 331, Quốc Lộ 1, Phường An Phú Đông, Quận 12, tp HCM
- Điện thoại: (028)62565690-224
- Email: ktxd@ntt.edu.vn
- Website: <http://ktxd.ntt.edu.vn>

21. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp theo: 2022



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỜNG KHOA


TS.KTS. Nguyễn Việt Luân